

PHỤ LỤC 01

Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Xã, phường, đặc khu	Kinh phí	Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025	Nguồn cải cách tiền lương của cấp xã năm 2025
1	An Phú	5.874.847.876		5.874.847.876
2	Ba Vì	2.539.207.125	2.539.207.125	
3	Sơn Tây Thượng	16.099.892.846	13.399.892.846	2.700.000.000
4	Nghĩa Hành	15.791.332.050	15.791.332.050	
5	Sơn Tây Hạ	9.096.252.751		9.096.252.751
6	Khánh Cường	1.298.743.875	1.298.743.875	
7	Đặng Thùy Trâm	4.065.984.000	4.065.984.000	
8	Cầm Thành	3.219.174.563		3.219.174.563
9	Lý Sơn	1.466.507.000		1.466.507.000
10	Trương Quang Trọng	9.098.300.251		9.098.300.251
11	Thiện Tín	13.861.809.001	11.261.809.001	2.600.000.000
TỔNG CỘNG		82.412.051.338	48.356.968.897	34.055.082.441

PHỤ LỤC 02

Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
* XÃ AN PHÚ													5.874.847.876
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
1	Tôn Long Bạc	10/4/1965	Đại học	BT Đảng Ủy	Xã Nghĩa Dũng (cũ)	13.513.500	28 năm 6 tháng	60 tuổi 02 tháng	01/7/2025	1 năm 4 tháng	x		216.216.000
2	Nguyễn Thành Huyền	01/01/1965	Đại học	Phó bí thư Thường trực Đảng ủy xã	UBND xã Nghĩa Đồng (cũ)	11.436.750	30 năm 04 tháng	60 tuổi 05 tháng	01/7/2025	01 năm 01 tháng	x		148.677.750
3	Trần Đình Trai	30/9/1964	Trung cấp	Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh	UBND xã Nghĩa Hà (cũ)	9.974.250	14 năm 8 tháng	60 tuổi 09 tháng	01/7/2025	06 tháng	x		59.845.500
4	Nguyễn Văn Tuấn	20/6/1965	Trung cấp	Công chức Tư pháp	UBND xã Nghĩa Hà (cũ)	8.950.500	20 năm 9 tháng	60 tuổi	01/7/2025	1 năm 6 tháng	x		161.109.000
II. NGHỈ THÔI VIỆC													
5	Trương Thị Hồng Loan	20/3/1983	Đại học Hành chính	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND xã Nghĩa Đồng (cũ)	9.740.250	16 năm 01 tháng	42 tuổi 03 tháng	01/7/2025			x	737.823.938
6	Lê Thị Trang	10/12/1982	Đại học	Công chức Tài chính Kế toán	UBND xã Nghĩa Đồng (cũ)	10.939.500	14 năm 4 tháng	42 tuổi 06 tháng	01/7/2025			x	795.848.625
7	Trần Đại Thiện	21/11/1986	Đại học	Công chức Văn hóa - Xã hội	Xã Nghĩa Dũng (cũ)	9.740.250	18 năm 6 tháng	38 tuổi 07 tháng	01/7/2025			x	767.044.688
8	Đoàn Bá Diên	20/4/1985	Đại học	Công chức Văn hóa - Xã hội	UBND xã Nghĩa Hà (cũ)	10.705.500	17 năm 7 tháng	40 tuổi 2 tháng	01/7/2025			x	835.029.000
9	Nguyễn Nhanh	01/02/1977	Đại học	Chủ tịch Hội nông dân	UBND xã Nghĩa Hà (cũ)	9.213.750	12 năm 9 tháng	48 tuổi 4 tháng	01/7/2025			x	649.569.375
10	Bùi Thị Yến Ly	11/5/1979	Đại học	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	UBND xã Nghĩa Hà (cũ)	10.179.000	13 năm 11 tháng	46 tuổi 1 tháng	01/7/2025			x	732.888.000
11	Nguyễn Thị Kim Hoanh	28/2/1979	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND xã Nghĩa Hà (cũ)	10.705.500	13 năm 8 tháng	36 tuổi 4 tháng	01/7/2025			x	770.796.000

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
* XÃ BA VÌ													2.539.207.125
I.	NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI												
12	Phạm Văn Lầy	20/7/1967	Trung cấp	Chủ tịch Hội Nông dân xã	UBND xã Ba Vì (cũ)	8.219.250	17 năm 9 tháng	57 tuổi 11 tháng	01/7/2025	4 năm 01 tháng	x		632.882.250
13	Phạm Văn Êm	14/4/1970	Đại học	CT UBMTTQVN xã	UBND xã Ba Ngạc (cũ)	13.221.000	27 năm 01 tháng	55 tuổi 02 tháng	01/7/2025	6 năm 10 tháng	x		1.219.637.250
II.	NGHỈ THÔI VIỆC												
14	Đinh Văn Phú	18/6/1986	Đại học	Công chức Văn hoá - Xã hội xã	UBND xã Ba Vì (cũ)	9.740.250	13 năm	39 tuổi	01/7/2025			x	686.687.625
* XÃ SƠN TÂY THUỜNG													16.099.892.846
I.	NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI												
15	Nguyễn Đức Lâm	10/6/1965	Đại học	Phó Chánh Thanh tra huyện	UBND huyện Sơn Tây (cũ)	20.546.641	39 năm 10 tháng	60 tuổi	01/7/2025	1 năm 6 tháng	x		369.839.546
16	Võ Trọng Anh	03/9/1965	Đại học	Trưởng phòng Tư pháp huyện	UBND huyện Sơn Tây (cũ)	14.478.750	27 năm 5 tháng	59 tuổi 9 tháng	01/7/2025	2 năm	x		640.684.687
17	Tiêu Viết Lập	08/8/1965		Nhân viên	Văn phòng HĐND và UBND huyện Sơn Tây (cũ)	8.599.500	18 năm 3 tháng	59 tuổi 10 tháng	01/7/2025	1 năm 11 tháng	x		197.788.500
18	Đinh Xuân Trái	02/9/1972	Đại học	PCT HĐND huyện	UBND huyện Sơn Tây (cũ)	21.586.500	30 năm 9 tháng	52 tuổi 9 tháng	01/7/2025	9 năm 3 tháng	x		2.244.996.000
19	Lê Kim Thanh	31/12/1971	Đại học	Phó Trưởng phòng NN&MT huyện	UBND huyện Sơn Tây (cũ)	14.186.250	23 năm 6 tháng	53 tuổi 6 tháng	01/7/2025	8 năm 6 tháng	x		1.365.426.563
20	Đinh Văn Tùng	10/10/1969	Đại học	CT Hội CCB xã Sơn Bua	UBND xã Sơn Bua (cũ)	10.179.000	20 năm 3 tháng	55 tuổi 8 tháng	01/7/2025	6 năm 4 tháng	x		883.028.250
21	Đinh Trọng Yếu	10/10/1969	Đại học	Phó Bí thư Đảng ủy xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	11.436.750	29 năm 10 tháng	55 tuổi 8 tháng	01/7/2025	6 năm 4 tháng	x		1.046.462.625
II.	NGHỈ THÔI VIỆC												
22	Đinh Văn Lợi	21/5/1980	Thạc sĩ	Viên chức TTDVNN	UBND huyện Sơn Tây (cũ)	7.792.200	25 năm 6 tháng	45 tuổi 1 tháng	01/7/2025			x	672.077.250
23	Đinh Quang Trung	10/10/1974	Trung cấp	Viên chức Trung tâm TT-VH-TT	UBND huyện Sơn Tây (cũ)	9.500.400	26 năm	50 tuổi 8 tháng	01/7/2025			x	826.534.800
24	Đinh Thị Hương	01/3/1986	Đại học	CT HLHPN xã Sơn Bua	UBND xã Sơn Bua (cũ)	9.389.250	14 năm 8 tháng	39 tuổi 3 tháng	01/7/2025			x	690.109.875

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
25	Nguyễn Tấn Luận	8/3/1989	Đại học	ĐC-NN-XD-MT xã Sơn Bua	UBND xã Sơn Bua (cũ)	10.705.500	13 năm 10 tháng	36 tuổi 3 tháng	01/7/2025			x	770.796.000
26	Đinh Thị Vinh	18/4/1984	Đại học	CT HLHPN xã Sơn Liên	UBND xã Sơn Liên (cũ)	11.144.250	16 năm 3 tháng	41 tuổi 2 tháng	01/7/2025			x	844.176.937
27	Đinh Văn Vôn	24/11/1984	Đại học	CT HCCB xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	7.283.250	13 năm 6 tháng	40 tuổi 7 tháng	01/7/2025			x	518.931.563
28	Đinh Thị Troàng	10/9/1986	Đại học	CT HLHPN xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	9.213.750	19 năm 2 tháng	38 tuổi 9 tháng	01/7/2025			x	739.403.437
29	Đinh Văn Phôn	14/11/1986	Đại học	CT UBMTTQVN xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	7.429.500	13 năm 6 tháng	38 tuổi 7 tháng	01/7/2025			x	529.351.875
30	Đinh Văn Bao	3/12/1986	Đại học	CT Hội Nông dân xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	9.213.750	13 năm 6 tháng	38 tuổi 6 tháng	01/7/2025			x	656.479.688
31	Đinh Văn Sáu	15/4/1986	Đại học	VP-TK xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	9.740.250	15 năm 11 tháng	39 tuổi 2 tháng	01/7/2025			x	730.518.750
32	Đinh Văn Bên	06/9/1984	Đại học	PCT UBND xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	10.325.250	15 năm 7 tháng	40 tuổi 9 tháng	01/7/2025			x	774.393.750
33	Đinh Văn Vôn	30/12/1983	Đại học	VH-XH xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	9.740.250	13 năm 10 tháng	41 tuổi 6 tháng	01/7/2025			x	701.298.000
34	Đinh Văn Tâm	10/01/1982	Đại học	PCT HĐND xã Sơn Mùa	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	11.290.500	19 năm	43 tuổi 5 tháng	01/7/2025			x	897.594.750
* XÃ NGHĨA HÀNH													15.791.332.050
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
35	Đàm Bàng	05/8/1964	Đại học	Nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành	UBND huyện Nghĩa Hành (cũ)	18.069.480	41 năm 6 tháng	60 tuổi 10 tháng	01/7/2025	5 tháng	x		90.347.400
36	Lữ Đình Phong	29/01/1965	Đại học	Nguyên CT Hội Chữ thập đỏ huyện N.Hành	Hội Chữ thập đỏ huyện N.Hành (cũ)	15.444.000	32 năm 1 tháng	60 tuổi 5 tháng	01/7/2025	01 năm 01 tháng	x		200.772.000
37	Huỳnh Hường	30/5/1965	Đại học	Nguyên là CC Tư pháp - HT, UBND TT Chợ Chùa	UBND TT Chợ Chùa (cũ)	9.535.500	39 năm 10 tháng	60 tuổi 01 tháng	01/7/2025	1 năm 5 tháng	x		162.103.500

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
48	Trần Ngọc Vinh	12/5/1980	Đại học	PCT UBND xã Hành Thuận	UBND xã Hành Thuận (cũ)	11.290.500	19 năm 6 tháng	45 tuổi 01 tháng	01/7/2025			x	906.062.625
49	Lê Văn Đồng	13/9/1969	Đại học	CC Tư pháp - Hộ tịch, UBND xã Hành Thuận	UBND xã Hành Thuận (cũ)	8.775.000	10 năm 01 tháng	55 tuổi 9 tháng	01/7/2025			x	585.731.250
50	Nguyễn Quốc Vũ	15/7/1980	Đại học	CC Văn hóa - Xã hội, UBND TT Chợ Chùa	UBND TT Chợ Chùa (cũ)	11.670.750	21 năm 01 tháng	44 tuổi 11 tháng	01/7/2025			x	971.589.937
51	Nguyễn Hữu Thanh	26/3/1978	Đại học	PCT Hội Chữ thập đỏ huyện	Hội Chữ thập đỏ huyện Nghĩa Hành (cũ)	12.255.750	22 năm 6 tháng	47 tuổi 3 tháng	01/7/2025			x	1.038.674.813
* XÃ SƠN TÂY HẠ													9.096.252.751
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
52	Lê Thanh Sơn	12/06/1968	Trung cấp	Công chức ĐC-NN-XD-MT	UBND xã Sơn Màu (cũ)	10.705.500	24 năm 4 tháng	57 tuổi	01/7/2025	5 năm	x		1.003.640.625
53	Lê Sinh Tùng	17/7/1970	Đại học	CT HCCB xã Sơn Màu	UBND xã Sơn Màu (cũ)	9.213.750	18 năm 01 tháng	54 tuổi 11 tháng	01/7/2025	7 năm 01 tháng	x		826.934.063
II. NGHỈ THÔI VIỆC													
54	Đinh Văn Quân	10/7/1976	Đại học	CT UBMTTQVN xã Sơn Tinh	UBND xã Sơn Tinh (cũ)	9.360.000	27 năm 6 tháng	48 tuổi 11 tháng	01/7/2025			x	863.460.000
55	Đinh Văn Hải	10/5/1982	Đại học	CT HCCB xã Sơn Tinh	UBND xã Sơn Tinh (cũ)	8.248.500	11 năm 11 tháng	43 tuổi 1 tháng	01/7/2025			x	569.146.500
56	Đinh Thị Rễ	12/10/1980	Đại học	CT HLHPN xã Sơn Tinh	UBND xã Sơn Tinh (cũ)	11.144.250	19 năm 2 tháng	44 tuổi 8 tháng	01/7/2025			x	894.326.063
57	Đinh Văn Năm	12/2/1980	Trung cấp	VH-XH xã Sơn Tinh	UBND xã Sơn Tinh (cũ)	8.950.500	13 năm 10 tháng	45 tuổi 4 tháng	01/7/2025			x	644.436.000
58	Đinh Thị Hằng	24/9/1983	Đại học	CT HLHPN xã Sơn Màu	UBND xã Sơn Màu (cũ)	11.144.250	16 năm 3 tháng	41 tuổi 9 tháng	01/7/2025			x	844.176.937
59	Đặng Thanh Quang	30/4/1976	Đại học	TP-HT xã Sơn Màu	UBND xã Sơn Màu (cũ)	9.740.250	15 năm	49 tuổi 2 tháng	01/7/2025			x	715.908.375

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
60	Đinh Văn Nghéo	01/01/1975	Đại học	Phó Bí thư Đảng ủy xã Sơn Lập	Đảng ủy xã Sơn Lập (cũ)	11.436.750	24 năm 6 tháng	50 tuổi 5 tháng	01/7/2025			x	1.003.574.813
61	Đinh Văn Hòa	12/4/1977	Đại học	PCT HĐND xã Sơn Lập	HĐND xã Sơn Lập (cũ)	11.290.500	23 năm 6 tháng	48 tuổi 2 tháng	01/7/2025			x	973.805.625
62	Đinh Văn Báo	13/6/1975	Đại học	VH-XH xã Sơn Lập	UBND xã Sơn Lập (cũ)	8.775.000	23 năm 6 tháng	50 tuổi	01/7/2025			x	756.843.750
* XÃ KHÁNH CƯỜNG													
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
63	Võ Cương	24/01/1973	Đại học	Bí thư Đảng ủy	Đảng ủy xã Phổ Cường (cũ)	12.548.250	26 năm	52 tuổi 5 tháng	01/7/2025	9 năm 7 tháng	x		1.298.743.875
* XÃ ĐẶNG THÙY TRÂM													
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
64	Phạm Văn Lưm	10/3/1967	Trung cấp hành chính	Chủ tịch Hội cựu chiến binh	UBND xã Ba Khâm (cũ)	11.144.250	25 năm 11 tháng	58 tuổi 03 tháng	01/7/2025	3 năm 9 tháng	x		830.246.625
II. NGHỈ THÔI VIỆC													
65	Cao Vương Quý	24/02/1987	Đại học công nghệ điện, điện tử	Công chức Văn phòng - Thông kê	UBND xã Ba Khâm (cũ)	10.705.500	12 năm 05 tháng	38 tuổi 4 tháng	01/7/2025			x	746.708.625
66	Nguyễn Văn An	12/12/1982	Đại học kinh tế lao động và quản lý nguồn nhân lực	Công chức ĐC-NN-XD&MT	UBND xã Ba Khâm (cũ)	10.705.500	13 năm 06 tháng	42 tuổi 6 tháng	01/7/2025			x	762.766.875
67	Phạm Thị Bích	31/01/1987	Đại học nuôi trồng thủy sản	Công chức ĐC-NN-XD&MT	UBND xã Ba Khâm (cũ)	10.705.500	13 năm 01 tháng	38 tuổi 5 tháng	01/7/2025			x	762.766.875
68	Phạm Văn Thủy	18/7/1976	Đại học quản lý nhà nước	Công chức Văn hóa - Xã hội	UBND xã Ba Khâm (cũ)	10.705.500	26 năm 00 tháng	48 tuổi 11 tháng	01/7/2025			x	963.495.000
* PHƯỜNG CẨM THÀNH													
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
69	Đoàn Thị Hoa	01/12/1969	Cử nhân	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND	UBND phường Nghĩa Chánh (cũ)	12.402.000	24 năm	55 tuổi 06 tháng	01/7/2025	1 năm 6 tháng	x		223.236.000

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
70	Võ Văn Quảng	16/7/1964	Trung cấp	Công chức Văn hóa - Xã hội	UBND phường Nguyễn Nghiêm (cũ)	8.950.500	32 năm 03 tháng	60 tuổi 11 tháng	01/7/2025	4 tháng	x		35.802.000
71	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	28/4/1970	Đại học	Công chức Tài chính - Kế toán	UBND phường Nguyễn Nghiêm (cũ)	13.893.750	27 năm 06 tháng	55 tuổi 02 tháng	01/7/2025	2 năm 02 tháng	x		677.320.313
72	Nguyễn Tấn Ngọc	04/3/1971	Cử nhân	Bí thư Đảng ủy	UBND phường Trần Hưng Đạo (cũ)	13.513.500	27 năm 10 tháng	54 tuổi 03 tháng	01/7/2025	7 năm 9 tháng	x		1.304.052.750
II. NGHỈ THÔI VIỆC													
73	Lê Việt Dũng	11/10/1973	Cử nhân	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh	Phường Chánh Lộ (cũ)	12.548.250	17 năm 10 tháng	51 tuổi 08 tháng	01/7/2025			x	978.763.500
* ĐẶC KHU LÝ SƠN													
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
74	Phạm Thị Hương	03/2/1971	Đại học	Chủ tịch UBND huyện	UBND huyện Lý Sơn (cũ)	21.177.000	32 năm 05 tháng	55 tuổi 5 tháng	01/8/2025	3 năm 3 tháng	x		1.466.507.000
* PHƯỜNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG													
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
75	Cao Văn Hà	20/8/1964	Cử nhân	Phó Chủ tịch HĐND	UBND xã Tịnh Ấn Tây (cũ)	12.255.750	21 năm 02 tháng	60 tuổi 10 tháng	01/7/2025	5 tháng	x		61.278.750
76	Nguyễn Văn Thành	20/02/1966	Cử nhân	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND	UBND phường Trương Quang Trọng (cũ)	10.471.500	16 năm 06 tháng	59 tuổi 04 tháng	01/7/2025	2 năm 05 tháng	x		484.306.875
77	Đào Văn Thơ	20/4/1967	Cử nhân	Phó Chủ tịch UBND	UBND phường Trương Quang Trọng (cũ)	13.221.000	33 năm 01 tháng	58 tuổi 02 tháng	01/7/2025	3 năm 10 tháng	x		1.047.764.250
78	Nguyễn Ngọc Thanh	26/5/1968	Cử nhân	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND	UBND xã Tịnh Ấn Tây (cũ)	12.402.000	24 năm 04 tháng	57 tuổi 01 tháng	01/7/2025	4 năm 11 tháng	x		1.150.285.500
79	Nguyễn Tấn Điền	10/11/1967	Cử nhân	Chủ tịch UBNDTTQVN	UBND xã Tịnh Ấn Tây (cũ)	14.186.250	27 năm 06 tháng	57 tuổi 07 tháng	01/7/2025	4 năm 5 tháng	x		1.216.470.938
80	Đào Dương Minh	01/01/1966	Cử nhân	Chủ tịch UBND	UBND xã Tịnh Ấn Đông (cũ)	14.332.500	37 năm 07 tháng	59 tuổi 05 tháng	01/7/2025	2 năm 04 tháng	x		802.620.000
81	Đặng Quốc Ký	20/10/1965	Cao đẳng	Công chức Tài chính - Kế toán	UBND xã Tịnh Ấn Đông (cũ)	10.734.750	18 năm 07 tháng	59 tuổi 08 tháng	01/7/2025	2 năm 01 tháng	x		466.961.625

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng (ĐVT: đồng)	Số năm đóng BHXH bắt buộc theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết chính sách	Thời điểm nghỉ	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Được hưởng chính sách		Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách (ĐVT: đồng)
											Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	
82	Huỳnh Mười	01/03/1970	Cử nhân	Phó Chủ tịch UBND	UBND xã Tịnh Ấn Đông (cũ)	10.325.250	20 năm 03 tháng	55 tuổi 03 tháng	01/7/2025	6 năm 9 tháng	x		916.365.938
83	Phan Khánh Lâm	30/4/1969	Đại học	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh	UBND xã Tịnh Ấn Tây (cũ)	13.513.500	23 năm 11 tháng	56 tuổi 02 tháng	01/7/2025	5 năm 10 tháng	x		1.168.917.750
84	Bùi Tấn Lâm	20/8/1971	Cử nhân	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	UBND xã Tịnh Ấn Đông (cũ)	11.290.500	21 năm	53 tuổi 10 tháng	01/7/2025	8 năm 02 tháng	x		1.072.597.500
II. NGHỈ THÔI VIỆC													
85	Nguyễn Thành Công	21/10/1988	Cử nhân	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	UBND xã Tịnh Ấn Đông (cũ)	9.769.500	14 năm 05 tháng	36 tuổi 08 tháng	01/7/2025			x	710.731.125
* XÃ THIÊN TÍN													13.861.809.001
I. NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI													
86	Phạm Thị Bích Hoa	23/7/1970	Đại học	Chủ tịch UBND xã Hành Thiện	UBND xã Hành Thiện (cũ)	12.402.000	21 năm 01 tháng	54 tuổi 11 tháng	01/7/2025	2 năm 5 tháng	x		604.597.500
87	Mai Văn Kỳ	20/11/1966	Đại học	Phó Chủ tịch HĐND xã Hành Thiện	UBND xã Hành Thiện (cũ)	9.360.000	18 năm 7 tháng	58 tuổi 7 tháng	01/7/2025	3 năm 5 tháng	x		603.720.000
88	Trịnh Bê	12/12/1969	Đại học	BT Đảng ủy xã Hành Tín Đông	UBND xã Hành Tín Đông (cũ)	13.513.500	27 năm 4 tháng	55 tuổi 6 tháng	01/7/2025	6 năm 6 tháng	x		1.219.593.375
89	Lê Văn Cư	20/02/1970	Đại học	CT UBMTTQVN xã Hành Tín Đông	UBND xã Hành Tín Đông (cũ)	14.186.250	27 năm 4 tháng	55 tuổi 4 tháng	01/7/2025	6 năm 8 tháng	x		1.308.681.563
90	Bùi Ngọc Mẫn	10/8/1970	Đại học	CC Địa chính - NN- XD-MT xã Hành Tín Đông	UBND xã Hành Tín Đông (cũ)	11.670.750	32 năm 7 tháng	54 tuổi 10 tháng	01/7/2025	7 năm 2 tháng	x		1.132.062.750
91	Mai Văn Tường	13/12/1971	Đại học	CT UBND xã Hành Tín Tây	UBND xã Hành Tín Tây (cũ)	12.402.000	27 năm 4 tháng	53 tuổi 6 tháng	01/7/2025	08 năm 6 tháng	x		1.218.496.500
92	Phạm Minh Thành	01/01/1972	Đại học	PCT UBND xã Hành Tín Tây	UBND xã Hành Tín Tây (cũ)	10.325.250	21 năm 4 tháng	53 tuổi 5 tháng	01/7/2025	8 năm 7 tháng	x		1.004.130.563

[illegible]